

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN B
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 26/10/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,

Chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN B, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Hữu Kinh

2/ Ông Trần Ngọc Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam, tham gia phiên tòa bà Đinh Thị Thu Hòa, Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/10/2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – Sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 46, phường Hòa Khánh B, quận Liên Ch, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn X – Sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Thái S, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

Người giám hộ của bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1956, Trú tại: thôn Thái S, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam. (Là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn X) Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2020 và tại bản tự khai tại Tòa án nhân dân thị xã Điện B bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn X kết hôn vào ngày 06/8/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vấn đề cơm áo gạo tiền trong cuộc sống, ông X không lo làm ăn, suốt ngày chỉ biết uống rượu, chửi bới vợ con làm ảnh hưởng đến gia đình và hàng xóm xung quanh và đã nhờ đến chính quyền địa phương can thiệp. Từ năm 2015 ông X bỏ mẹ con bà về sống tại thôn Thái S, xã Điện

T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam cùng mẹ. Nay bản thân bà thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà làm đơn yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn X.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 25/4/2004; Nguyễn Thị Minh Th sinh ngày 16/02/2006 và Nguyễn Thị Minh Ng sinh ngày 22/5/2008 khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi các cháu A, Th và Ng. Yêu cầu ông X Cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Văn X được hộ ông Nguyễn Văn T tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10, diện tích 591 m² tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung theo pháp luật, ngày 22/7/2020 Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản chung của bà và ông X. Bà đồng ý với kết quả thẩm định và định giá tài sản. Bà H không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại tài sản tranh chấp giữa bà và ông X. Bà có nguyện vọng nhận phần đất ở để có điều kiện về chỗ ở.

Về nợ chung: Bà và ông X không có nợ chung.

Ngoài ra bà H không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X sau khi thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông X để làm việc, nhưng ông X không đến Tòa án. Ngày 22/6/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam thì được biết ông Nguyễn Văn X được gia đình điều trị bệnh. Do đó không có lời khai của ông X trong hồ sơ vụ án. Tòa án nhân dân thị xã Điện B đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người giám hộ của anh X theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người giám hộ của bị đơn bà Trần Thị Q trình bày: Thời gian, địa điểm nơi đăng ký kết hôn như lời khai của bà H là đúng. Sau khi cưới vợ chồng bà H, ông X không chung sống cùng gia đình. Ông X và bà H có ba con chung là Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 25/4/2004; Nguyễn Thị Minh Th sinh ngày 16/02/2006 và Nguyễn Thị Minh Ng sinh ngày 22/5/2008 hiện nay các con đang ở cùng với mẹ. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông X thì gia đình không có ý kiến, gia đình không can thiệp, mọi việc do bà H tự quyết định.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tặng cho vợ chồng ông X, bà H diện tích đất tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10, diện tích 591 m² tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam trị giá 543.837.609 đồng đề nghị chia đôi theo pháp luật. Bà đồng ý với kết quả thẩm định và định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án tiến hành định giá lại tài sản. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu đánh giá quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện B đề nghị: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, các Điều 33, 51, 56, 59, 60, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H, Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn X. Về con chung giao Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 25/4/2004; Nguyễn Thị Minh Th sinh

ngày 16/02/2006 và Nguyễn Thị Minh Ng sinh ngày 22/5/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Các bên được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông X đã tạo lập khối tài sản chung gồm có: diện tích đất tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10, diện tích 591 m² tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam trị giá 543.837.609 đồng đề nghị chia đôi theo pháp luật. nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Nguyễn Văn X, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông X có nơi cư trú tại thôn Thái S, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thị xã Điện B đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 175 và khoản 2 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà bà H thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn X phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng/tháng cho một cháu. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự việc đương sự rút một phần yêu cầu của mình về việc cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét.

[2] Về nội dung quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông X là hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo bà H cho rằng là vì vấn đề cơm áo gạo tiền trong cuộc sống, ông X không lo làm ăn, suốt ngày chỉ biết uống rượu, chửi bới vợ con làm ảnh hưởng đến gia đình và hàng xóm xung quanh, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2015 ông X bỏ mẹ con bà về sống tại thôn Thái S, xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam từ đó đến nay.

Ngày 22/6/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Điện T, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam thì được biết ông Nguyễn Văn X được gia đình đang điều trị bệnh, theo giấy ra viện ngày 16/10/2018 của bệnh viện Đà Nẵng thì ông X chuẩn đoán bệnh Xơ gan mất bù, nghiện rượu, xuất huyết màng não, suy gan tắc mật, hơn nữa địa phương cũng cho biết vợ chồng bà H, ông X không còn chung sống với nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với ông Nguyễn Văn X và giao quyết định cho bà H và người đại diện hợp pháp bị đơn là bà Trần Thị Q. Sau khi nhận quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với ông X thì các đương sự không thực hiện. Tại phiên toà bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội

đồng xét xử thống nhất cho bà H ông X được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà H và anh X có ba con chung là Nguyễn Thị Minh A sinh ngày 25/4/2004; Nguyễn Thị Minh Th sinh ngày 16/02/2006 và Nguyễn Thị Minh Ng sinh ngày 22/5/2008 bà H có nguyện vọng nuôi con chung, bà H có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con chung, tuy nhiên việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Các cháu đã lớn có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con chưa thành niên, đồng thời giữ nguyên môi trường sống của các con, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông X có khối tài sản chung gồm có: diện tích đất 591 m² tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Ngày 10/7/2020 bà H có đơn yêu cầu Tòa án hợp đồng với Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và kiến trúc quy hoạch Việt Nam tại Quảng Nam làm đơn vị đo đạc và Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value – Chi nhánh Đà Nẵng làm đơn vị thẩm định giá xác định tổng tài sản trị giá như sau: Diện tích đất 591 m² tại thửa 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam có giá 543.837.609 đồng. Các đương sự chấp nhận giá trị này và không có khiếu nại về giá mà Công ty cổ phần đo đạc bản đồ và kiến trúc quy hoạch Việt Nam tại Quảng Nam làm đơn vị đo đạc và Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value – Chi nhánh Đà Nẵng làm đơn vị thẩm định giá xác định. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà H đề nghị chia đôi thửa đất trên theo quy định của pháp luật, bà Q là người giám hộ cho ông X đề nghị giải quyết theo pháp luật, Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Từ những căn cứ trên tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông X là diện tích đất 591 m² tại thửa 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam trị giá là 543.837.609 đồng, được chia phần cụ thể như sau:

Phần bà Trần Thị H được nhận và sở hữu như sau: diện tích đất 281,8 m² tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Trị giá 259.312.078 đồng, có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đất 3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Đông giáp thửa đất ông Nguyễn Văn X có chiều dài 34,86 m; Phía Nam giáp đường đất 1,3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Tây giáp nương đất 2.0 m có chiều dài 33,00 m. (Có sơ đồ kèm theo)

Phần ông Nguyễn Văn X được nhận diện tích đất 309,2 m² tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Trị giá 284.525.530 đồng, có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đất 3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Đông giáp thửa ONT 145 hộ ông Nguyễn Văn T có chiều dài 36,70 m; Phía Nam giáp đường đất 1,3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Tây giáp thửa bà Trần Thị H có chiều dài 34,86 m. (Có sơ đồ kèm theo)

[5] Ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ thôi qua cho bà Trần Thị H số tiền chênh lệch trong khối tài sản chung là 12.606.725 đồng.

[6] Ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất mà mình được giao tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số

10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam theo quy định của pháp luật về đất đai.

[7] Đối với số tiền tiền chi phí thẩm định định giá số tiền 6.891.000 đồng bà Trần Thị H tự nguyện chịu, ông X không phải chịu.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn X phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 38, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 46, Điều 47, khoản 3 Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Nguyễn Văn X về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn X.

Về con chung: Giao Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 25/4/2004; Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 16/02/2006 và Nguyễn Thị Minh Ng, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông Nguyễn Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung:

Phần bà Trần Thị H được nhận và sở hữu như sau: diện tích đất 281,8 m² tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Trị giá 259.312.078 đồng, có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đất 3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Đông giáp thửa đất ông Nguyễn Văn X có chiều dài 34,86 m; Phía Nam giáp đường đất 1,3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Tây giáp nương đất 2.0 m có chiều dài 33,00 m. (Có sơ đồ kèm theo)

Phần ông Nguyễn Văn X được nhận diện tích đất 309,2 m² tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam. Trị giá 284.525.530 đồng, có tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường đất 3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Đông giáp thửa ONT 145 hộ ông Nguyễn Văn T có chiều dài 36,70 m; Phía Nam giáp đường đất 1,3 m có chiều dài 8,35 m; Phía Tây giáp thửa bà Trần Thị H có chiều dài 34,86 m. (Có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn X phải có nghĩa vụ thôi qua cho bà Trần Thị H số tiền chênh lệch trong khối tài sản chung là 12.606.725 đồng.

Ông Nguyễn Văn X và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với diện tích đất mà mình được giao tại thửa số 145b/01, tờ bản đồ số 10 tại thôn 2, Thái S, Điện T, Điện B, Quảng Nam theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong bản án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 13.595.940 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng là 13.895.940 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.050.000 đồng theo hai biên lai thu tạm ứng án phí số 0002483 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, bà H còn phải nộp 4.545.940 đồng tiền án phí.

Ông Nguyễn Văn X phải chịu 13.595.940 đồng án phí chia tài sản.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên TAND tỉnh Quảng Nam để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ
- Thi hành án

Nguyễn Nam Trung